

1.2. Các đặc trưng của tư duy phản biện

• Tính chính xác (precision)

- Mọi người đều nhận ra tầm quan trọng của độ chính xác trong các lĩnh vực chuyên biệt như y học, toán học, kiến trúc và kỹ thuật.
- Những người có tư tưởng phản biện cũng hiểu tầm quan trọng của tư duy chính xác trong cuộc sống hàng ngày, để vượt qua những vấn đề gây bối rối và không chắc chắn thường **cần phải nhấn mạnh vào câu trả lời chính xác cho các câu hỏi chính xác:**
 - Chính xác thì vấn đề đang nằm ở đâu?
 - Các lựa chọn thay thế chính xác là gì?
 - Chính xác thì những ưu điểm và nhược điểm của từng giải pháp thay thế là gì?
- Tính chính xác rất quan trọng trong công việc trao đổi thông tin.
- Cần suy nghĩ một cách chính xác.

20

1.2. Các đặc trưng của tư duy phản biện

• Tính đúng (accuracy)

- Có một câu nói nổi tiếng về máy tính: “Garbage in, garbage out”.
- Để có thể suy nghĩ đúng, cần thu nhận thông tin đúng.
- Quyết định sẽ sai lầm khi nhận thông tin sai.
- Một phương án kinh doanh sẽ có khả năng thành công nếu thu thập thông tin đúng về thị trường.
- Các thông tin trên net hiện nay rất nhiều và có thể là tin giả, nếu đọc nhiều và tin vào đó sẽ có hành động sai lầm.

21

1.2. Các đặc trưng của tư duy phản biện

• Tính liên quan (relevance)

- Tập trung vào những ý tưởng và thông tin có liên quan.
- Mẹo của những người tranh luận là cố gắng đánh lạc hướng sự chú ý của khán giả bằng cách nêu ra một vấn đề không liên quan.
- Nhiều bài phát biểu/tranh luận hay cung cấp các thông tin không liên quan đến chủ đề.
- Các thông tin đó làm sai lệch nhận thức và lệch hướng thảo luận.
- Tuy nhiên, nếu suy nghĩ chín chắn sẽ nhận ra vấn đề không liên quan.

22

1.2. Các đặc trưng của tư duy phản biện

• Tính nhất quán (consistency)

- Theo logic, nếu một người giữ những quan điểm không nhất quán thì ít nhất một trong số chúng phải là sai.
- Những người có tư tưởng phản biện coi trọng sự thật và luôn đề ý đến những mâu thuẫn trong suy nghĩ của họ cũng như trong lập luận và phát biểu của người khác. Có hai loại mâu thuẫn mà chúng ta nên tránh:
 - Sự mâu thuẫn logic; liên quan đến việc nói hoặc tin những điều không nhất quán (tức là những điều không thể cả hoặc tất cả đều đúng) về một vấn đề cụ thể.
 - Sự mâu thuẫn thực tế, bao gồm việc nói một đằng và làm một nẻo.
- Mâu thuẫn logic vô thức: trường hợp những người không nhận thức đầy đủ rằng lời nói và hành động của họ mâu thuẫn với nhau.

23

1.2. Các đặc trưng của tư duy phản biện

• Tính hợp lý (logical correctness)

- Suy luận hợp lý rất cần thiết nhưng trong đời sống, thường chúng ta suy luận không đúng cách.
- Suy nghĩ logic là biết suy luận một cách hợp lý, nghĩa là rút ra các kết luận dựa vào các suy luận hợp lý và có cơ sở vững chắc để ủng hộ cho niềm tin.

24

1.2. Các đặc trưng của tư duy phản biện

• Tính đầy đủ (completeness)

- Mỗi sự vật, hiện tượng đều có mối liên hệ với sự vật, hiện tượng khác.
- Trong từng sự vật, hiện tượng cũng có nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau. Ở mỗi khía cạnh, góc độ chúng mang đặc tính, giá trị khác nhau.
- Nếu không có tính đầy đủ, sẽ dẫn đến kết luận sai sót, phiến diện, hạn hẹp, nhận thức sơ sài.
- Tránh các thông tin và lối suy nghĩ nông cạn, hời hợt.
- Tư duy sẽ tốt hơn khi suy nghĩ sâu sắc và đầy đủ.

➤ Suy nghĩ sâu sắc, thấu đáo.

25

1.2. Các đặc trưng của tư duy phản biện

• Tính công bằng (fairness)

- Tư duy phản biện đòi hỏi suy nghĩ của chúng ta phải công bằng - nghĩa là cởi mở, không thiên vị và không có những thành kiến và định kiến xuyên tạc.
 - Điều này có thể rất khó đạt được.
- Con người thường có khuynh hướng chống lại những ý tưởng xa lạ, những vấn đề thành kiến, định kiến người ngoài và quan tâm đến lợi ích của họ/nhóm/dân tộc.
- Có lẽ không thực tế nếu cho rằng tư duy của chúng ta có thể hoàn toàn không có thành kiến và định kiến; ở một mức độ nào đó, tất cả chúng ta đều nhận thức thực tại theo những cách được định hình bởi kinh nghiệm sống và nền tảng văn hóa của cá nhân chúng ta. Nhưng dù khó đạt đến đâu, thì tư duy công bằng cơ bản rõ ràng là một thuộc tính cần thiết của người có tư tưởng phản biện.

1.2. Các đặc trưng của tư duy phản biện

• Thuật ngữ (Glossary)

Critical	Evaluate	Convincing
Judgment	Arguments	reason
Disposition	Truth	intelligent
Identify	Claim	formulate
Analyze	Preconception	Intellectual
Cognitive	bias	

- Chọn lựa các thuật ngữ, viết theo thứ tự: Tiếng Việt (tiếng Anh). Giải thích thuật ngữ (nên chọn từ điển Oxford để dịch ra), các từ đồng nghĩa nếu có.

1.3. Các lợi ích của tư duy phản biện

• Tư duy phản biện trên lớp học

- Ở đại học, trọng tâm là tư duy bậc cao: sự đánh giá thông minh, tích cực về các ý tưởng và thông tin. Vì lý do này, tư duy phản biện đóng một vai trò quan trọng trong suốt chương trình học đại học.
- Tư duy phản biện trang bị một số kỹ năng có thể cải thiện đáng kể hiệu quả học trên lớp như:
 - Hiểu các lập luận và quan điểm của người khác
 - Đánh giá một cách phản biện những lập luận và quan điểm đó
 - Đưa ra và bảo vệ các lập luận và quan điểm của chính mình

1.3. Các lợi ích của tư duy phản biện

- Để thành công ở đại học, tất nhiên phải có khả năng hiểu tài liệu đang học.
- Tư duy phản biện dạy các kỹ năng khác nhau có thể thực hành để cải thiện đáng kể khả năng hiểu các lập luận và vấn đề được thảo luận trên lớp và trong sách, giáo trình, tài liệu tham khảo...
- Trong quá trình học đại học, thường sẽ yêu cầu sinh viên thảo luận “phản biện” về một số lập luận hoặc ý tưởng được giới thiệu trên lớp.
- Tư duy phản biện dạy các chiến lược và kỹ năng để có thể tham gia vào các thảo luận này.
- Sinh viên cũng sẽ được yêu cầu đưa ra các lập luận của chính mình về các chủ đề hoặc vấn đề cụ thể.
- Sinh viên cũng phải có khả năng đưa ra các lý lẽ và bằng chứng một cách thuyết phục cho lập luận, quan điểm của mình.

1.3. Các lợi ích của tư duy phản biện

• Tư duy phản biện tại nơi làm việc

- Khảo sát sinh viên tốt nghiệp đại học trong vòng 5 năm sau khi tốt nghiệp cho thấy ít hơn 50% làm việc đúng ngành học.
- Thống kê này nói lên nhiều điều về thực tế nơi làm việc đang thay đổi.
 - Ngày nay, các nhà tuyển dụng càng không tìm kiếm những người có kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn cao, vì những kỹ năng đó thường có thể được học tốt nhất trong công việc.
 - Ưu tiên những người có kỹ năng tư duy và giao tiếp tốt, những người học nhanh có thể giải quyết vấn đề, suy nghĩ sáng tạo, thu thập và phân tích thông tin, rút ra kết luận phù hợp từ dữ liệu và truyền đạt ý tưởng của họ một cách rõ ràng và hiệu quả.
- Những kỹ năng này được dạy trong tư duy phản biện.

1.3. Các lợi ích của tư duy phản biện

• Tư duy phản biện trong cuộc sống

- Tư duy phản biện có thể giúp chúng ta tránh đưa ra những quyết định phi lý hoặc sai lầm nghiêm trọng bằng cách dạy chúng ta suy nghĩ về các quyết định quan trọng của cuộc đời một cách cẩn thận, rõ ràng và logic hơn.
- Tư duy phản biện đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các quá trình dân chủ.
- Tư duy phản biện cho phép chúng ta có cuộc sống tự định hướng, được “kiểm tra”.

1.3. Các lợi ích của tư duy phản biện

• Tư duy phản biện có lợi vì nhiều lý do:

- Nó có thể giúp học sinh làm bài tốt hơn ở trường bằng cách cải thiện khả năng hiểu, xây dựng và phân biệt các lập luận.
- Nó có thể giúp mọi người thành công trong sự nghiệp của họ bằng cách cải thiện khả năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo và truyền đạt ý tưởng của họ một cách rõ ràng và hiệu quả.
- Nó cũng có thể làm giảm khả năng mắc sai lầm nghiêm trọng trong các quyết định cá nhân quan trọng, thúc đẩy các quá trình dân chủ, tránh những giả định, giáo điều và định kiến chưa được xác định rõ ràng về quá trình giáo dục, xã hội, tuổi tác...

32

1.3. Các lợi ích của tư duy phản biện

• Đối với cá nhân

- Phát triển tư duy và hoàn thiện nhận thức.
- Phát triển các phẩm chất linh hoạt nhạy bén, độc lập sáng tạo, tích cực chủ động.
- Phát triển kỹ năng ra quyết định, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề.
- Hình thành thái độ khách quan, tinh thần xây dựng, tinh thần dân chủ và thái độ ôn hòa.
- Nhận thức đúng đắn, hoàn thiện bản thân.

• Đối với xã hội

- Kích thích sự phát triển, sự văn minh và tiến bộ xã hội.
- Khắc phục những mặt tồn tại, hạn chế.
- Tạo sự liên kết, đối thoại giữa các cá nhân trong cơ quan, tổ chức, xã hội.

33

1.4. Các rào cản của tư duy phản biện

• Câu hỏi đặt ra:

- Nếu tư duy phản biện là quan trọng như vậy, tại sao tư duy không phản biện lại phổ biến như vậy?
- Tại sao nhiều người - bao gồm nhiều người có học thức cao và thông minh - lại thấy tư duy phản biện khó đến vậy?

34

1.4. Các rào cản của tư duy phản biện

- Here is a list of some of the most common barriers to critical thinking:

- | | | |
|---|---------------------------|-------------------------|
| • Lack of relevant background information | • Provincialism | • Denial |
| • Poor reading skills | • Narrow-mindedness | • Wishful thinking |
| • Bias | • Closed-mindedness | • Short-term thinking |
| • Prejudice | • Distrust in reason | • Selective perception |
| • Superstition | • Relativistic thinking | • Selective memory |
| • Egocentrism (self-centered thinking) | • Stereotyping | • Overpowering emotions |
| • Sociocentrism (group-centered thinking) | • Unwarranted assumptions | • Self-deception |
| • Peer pressure | • Scapegoating | • Face-saving |
| • Conformism | • Rationalization | • Fear of change |

35

1.4. Các rào cản của tư duy phản biện

- **Chủ nghĩa vị kỷ (Egocentrism)** là xu hướng coi thực tế là trung tâm của bản thân. **Chủ nghĩa vị kỷ** là những người ích kỷ, tự thu mình và coi sở thích, ý tưởng và giá trị của họ là cao hơn mọi người. Tất cả chúng ta đều bị ảnh hưởng ở một mức độ nào đó bởi những thành kiến vị kỷ.
- Sự khác biệt giữa **chủ nghĩa vị kỷ** và **chủ nghĩa cá nhân** là chủ nghĩa vị kỷ là việc thường xuyên tuân theo những ham muốn tự cao tự đại của một người đến mức cực đoan trong khi chủ nghĩa cá nhân là xu hướng một người hành động mà không cần tham khảo người khác, đặc biệt là trong các vấn đề về phong cách, thời trang hoặc phương thức suy nghĩ.

36

1.4. Các rào cản của tư duy phản biện

- Hai dạng thường gặp của chủ nghĩa vị kỷ là **Tư duy tư lợi (self-interested thinking)** và **Thành kiến phục vụ bản thân (self-serving bias)**.

– **Tư duy tư lợi** là xu hướng chấp nhận và bảo vệ niềm tin hài hòa với tư lợi của một người. Hầu như không ai có thể miễn nhiễm với tư duy tư lợi.

- Hầu hết các bác sĩ ủng hộ luật khiến họ khó bị kiện vì sơ suất; hầu hết các luật sư không.
- Hầu hết các giáo sư đại học nhà nước đều ủng hộ mạnh mẽ nhiệm kỳ, các chế độ nghỉ được trả lương, khối lượng giảng dạy thấp, và tiếng nói mạnh mẽ của giảng viên trong quản trị trường đại học; nhiều nhà nước nộp thuế và quản lý trường đại học thì không.
- Hầu hết công nhân nhà máy ủng hộ luật yêu cầu thông báo trước về việc đóng cửa nhà máy; hầu hết các chủ nhà máy không làm như vậy.

37

1.4. Các rào cản của tư duy phản biện

- Thành kiến phục vụ bản thân là xu hướng đánh giá quá cao bản thân, coi bản thân tốt hơn ở một khía cạnh nào đó so với thực tế. Tất cả chúng ta đều từng biết đến những kẻ khoác lác hoặc những người biết tự nhận mình là người tài giỏi hoặc hiểu biết hơn thực tế.

38

1.5. Tầm quan trọng của ngôn ngữ trong tư duy

- Sự không chính xác trong giao tiếp có thể dẫn đến nhầm lẫn và hiểu lầm. Một điều có ý nghĩa hoàn toàn tốt đối với một người có thể bị hiểu nhầm ở người khác.
- Sự chính xác của ngôn ngữ hết sức quan trọng khi suy nghĩ và giao tiếp.

39

1.5. Tầm quan trọng của ngôn ngữ trong tư duy

- **Finding the right words: The need for precision**
 - Vagueness
 - Overgenerality
 - Ambiguity
- **The importance of precise definitions**
- **Emotive language: slanting the truth**

40

1.5. Tầm quan trọng của ngôn ngữ trong tư duy

- **Tìm đúng từ:** sự cần thiết của tính chính xác
- Mỗi từ có ý nghĩa riêng, mặc dù có nhiều từ có nghĩa tương đồng, nhưng khi suy nghĩ sâu xa, một từ nào đó có thể là duy nhất.
- Dùng sai từ sẽ dẫn đến hiểu sai.
- Trình độ người nghe có thể gây ngộ nhận.
- Chú ý các thuật ngữ có thể gây hiểu nhầm theo vùng miền
- Chú ý tránh: Mơ hồ, chung chung, tối nghĩa

41

1.5. Tầm quan trọng của ngôn ngữ trong tư duy

• **Mơ hồ**

- Một từ (hoặc một nhóm từ) mơ hồ khi nghĩa của nó mờ và không chính xác.
- Ví dụ:
 - Cụm từ **lượng tối thiểu** là mơ hồ vì nó không chỉ ra chính xác số tiền được trả cho người lao động.
 - Cuộc sống của nhân dân vùng A **ngày càng được cải thiện**.

42

1.5. Tầm quan trọng của ngôn ngữ trong tư duy

• **Tối nghĩa (Ambiguity)**

- Một từ hay cụm từ được xem là tối nghĩa khi nó có thể làm cho người đọc/nghe hiểu theo nhiều nghĩa.
- Ví dụ: từ “Ngôi sao” có thể là tinh tú, có thể là diễn viên/ca sĩ nổi tiếng. Tính chất này hay được dùng trong truyện hài hước nhưng việc dùng từ tối nghĩa có thể làm hỏng luận điểm.
- Joe went to the bank. “bank” in the sense of a financial institution or “bank” in the sense of a slope bordering on a river?

43

1.5. Tầm quan trọng của ngôn ngữ trong tư duy

• Chung chung

- The words are overgeneral if the information they provide is too broad and unspecific in a given context.
- Consider the following brief dialogues:
 - Teacher: Johnny, what is seven plus five?
 - Johnny: More than two.
 - Dean of students: What were you drinking at this keg party?
 - Freshman: A beverage.
 - Mother: Where are you going?
 - Teenager: Out.
 - Mother: When will you be back?
 - Teenager: Later.

44

1.5. Tầm quan trọng của ngôn ngữ trong tư duy

• Định nghĩa phải chính xác

- Định nghĩa không đúng hoặc đầy đủ sẽ dẫn đến hiểu sai trong công việc hay trách nhiệm.
- Trước một vấn đề quan trọng cần thảo luận cần chính xác các định nghĩa.

45

1.5. Tầm quan trọng của ngôn ngữ trong tư duy

• Ngôn ngữ cảm xúc và xuyên tạc sự thật

- Cẩn thận với các từ ngữ gây cảm xúc nhiều hơn là chuyển tải thông tin, làm người đọc xúc động hơn là nhận thức và có thể dẫn dắt thái độ hay cảm xúc, xuyên tạc sự thật.
- Các bài viết/nói quảng cáo hay quảng bá thường có cách viết như vậy.

46
